

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2022.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Thảo;
Bà Nguyễn Thị Thuởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị S, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT: 24/447 Hàm N, phường Đông H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978.

Nơi ĐKKHKT: 24/447 Hàm N, phường Đông H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay đang chấp hành án tại: Phân trại số 4, Trại giam Thanh L, Bộ Công an (địa chỉ: Thị trấn Yên C, huyện Như X, tỉnh Thanh Hóa.)

Tại phiên tòa có mặt chị S, vắng mặt anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 06/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần của vợ chồng chị là do tình tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh Q không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Đến ngày 26/6/2020, anh Q bị bắt tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 03/11/2020, anh Quân bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sau đó anh Q lại bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Hiện nay anh Q đang chấp hành án tại Phân trại số 4, Trại giam Thanh L, Bộ Công an. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 30/12/2018. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với chị vì hiện nay anh Q đang phải đi chấp hành án không có thu nhập, không có điều kiện để chăm sóc con. Mặc dù chị là lao động tự do, nhưng thu nhập 10.000.0000 đồng/tháng và có chỗ ở ổn định. Kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay cháu T vẫn do chị nuôi dưỡng và chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt.

Về tài sản, công nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2022, anh Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị S kết hôn với nhau năm 2018, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại số nhà 24/447 Hàm Nghi, phường Đông H, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Từ tháng 6/2020, anh phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Gây rối trật tự công cộng” bị Tòa án xử phạt 10 năm 06 tháng tù. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Phân trại số 4, Trại giam Thanh L. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung và tài sản, công nợ chung: Anh Q không trình bày trong biên bản lấy lời khai.

Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Quá trình chị Đỗ Thị S và anh Nguyễn Văn Q sinh sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh Q đang đi chấp hành án tại trại giam Thanh L, Bộ Công an. Nay chị S làm đơn khởi kiện ly hôn anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị S và anh Q có một con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 30/12/2018. Về tài sản, công nợ của anh chị địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, chị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng do đang chấp hành án tại trại giam nên không thể có mặt tham gia phiên tòa được, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, bị đơn trước khi đi chấp hành án có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên anh Q hiện đang chấp hành án tại trại giam nên không thể có mặt tại phiên tòa được vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh Q.

[3] Về hôn nhân: Chị S và anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh Q đang chấp hành án tại Phân trại số 4, Trại giam Thanh L, Bộ Công an. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị S làm đơn khởi kiện ly hôn, anh Q xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên chị S xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn, tại phiên tòa chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Qua xác minh, địa phương cung cấp thời gian chị S và anh Q sinh sống tại địa phương, cuộc sống vợ chồng của anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy hôn nhân giữa chị S và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng có quay về đoàn tụ thì cũng không hạnh

phúc. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, cho anh được ly hôn anh Q.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị S và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 30/12/2018. Ly hôn chị S đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với chị, còn anh Q không khai về con chung. Việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, anh Q hiện nay đang đi chấp hành án, không có thu nhập, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Chị S mặc dù là lao động tự do nhưng có thu nhập và chỗ ở ổn định. Kể từ khi anh Q đi chấp hành án cho đến nay, cháu T vẫn do chị S nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị S là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị S và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 30/12/2018. Ly hôn giao cháu T cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị S.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị ®. nộp theo biên lai số AA/2021/0001865 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị S đã nộp đủ án phí).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND P, Đông Hương, TP Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Phương